

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v: *Ly hôn giữa
chị N và anh C.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Ông Bùi Văn Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh C do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-11-2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Tháng 3-2018, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị không khắc phục được đã về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ

đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về nuôi con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Tạ D, sinh ngày 14-9-2003 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22-12-2004. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu L, để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xử vắng mặt ngày 18-01-2021, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh C trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-11-2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay chị N khởi kiện ly hôn, quan điểm của anh là không muốn vợ chồng ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tạ D, sinh ngày 14-9-2003 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22-12-2004. Khi ly hôn, anh xin nuôi cháu D, để chị N nuôi cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về chia tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải của Tòa án và phiên tòa xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2021, cháu Nguyễn Tạ D trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với bố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2021, cháu Nguyễn Phương L trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Mạnh C. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các

bên được xác định là “Ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn là anh C có địa chỉ ở Thôn L, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Mạnh C kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-11-2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 3-2018, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị N và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh C có 02 con chung Nguyễn Tà D, sinh ngày 14-9-2003 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 22-12-2004. Chị N và anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được trực tiếp nuôi cháu D, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, hai bên không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D nguyện vọng ở với bố, cháu L nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị N và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 22-12-2004. Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tà D, sinh ngày 14-9-2003. Chị N, anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006252 ngày 07-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn (chị N đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên